

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2024.

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Thủy.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Chiến-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Lê Hưng.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2024/TLST-HN&GD ngày 20 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024 ngày 26/6/2024 giữa:

*- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1980.*

*- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.*

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, phường HT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị Lan có mặt, anh Thế vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 11 năm 2007, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã YV, huyện GL, thành phố Hà Nội vào ngày 15/11/2007 (số đăng ký 89, quyển số 01). Sau khi kết hôn anh T về chung sống cùng gia đình chị L ở phường H T, thành phố PY. Tình cảm vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được vài năm sau đó mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và cách sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng và không có hạnh phúc xong vì thương các con nên chị vẫn cố chịu đựng và tiếp tục chung sống cùng anh T. Đến đầu năm 2023 thì mâu thuẫn

vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân nhau đến nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 14/4/2008 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/9/2012. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị L đang làm việc tại Công ty cổ phần May Hà Bình thu nhập mỗi tháng bình quân được 9.000.000đồng, chị đảm bảo được cuộc sống của các con.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung đều không có.

Bị đơn Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

Biên bản xác minh của Tòa án với tổ trưởng tổ dân phố Chùa nơi chị L, anh T đang sinh sống xác định: Anh T hiện đang sinh sống và có đăng ký tạm trú tại tổ dân phố C, phường HT, thành phố PY. Chị L và anh T kết hôn với nhau năm 2007, sau khi kết hôn thì anh T về chung sống cùng gia đình chị L. Về mâu thuẫn cụ thể của anh chị như thế nào thì địa phương không nắm được. Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 14/4/2008 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/9/2012. Hiện nay cả hai con vẫn sống cùng anh chị. Các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án đã giao cho anh T, còn anh T có đến Toà án để làm việc hay không thì ông không biết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phở Yên phát biểu về: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên toà, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26,35,39,68,96,97,195, 203, 205,207,208,209,210 và Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 14/4/2008 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 20/9/2012 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị L có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Nguyên đơn xác định không có, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lan phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật về nộp ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Thụ lý đơn khởi kiện: Ngày 19 tháng 3 năm 2024 chị L có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án. Ngày 20/3/2024 Tòa án ra Thông báo nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án thụ lý vụ án, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và sự vắng mặt của các đương sự*: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, nuôi con chung” giữa nguyên đơn Chị Trần Thị L và bị đơn Anh Nguyễn Văn T, anh T hiện đang cư trú tại: Tổ dân phố C, phường HT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên toà lần thứ hai, nguyên đơn chị Trần Thị L có mặt. Anh T bị đơn vắng mặt không có lý do. Chị L và đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật và cũng để bảo vệ quyền lợi cho chị .

[3]. *Về việc không tiến hành hoà giải được*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và đã tổng đạt hợp lệ cho anh T, anh T không đến làm việc, chị L đã có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hoà giải giữa chị và anh T, đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Xét việc chị L không yêu cầu Tòa án tiến hành hoà giải là quyền của chị L và cũng phù hợp với quy định, do đó Tòa án lập biên bản không tiến hành việc hoà giải giữa chị L và anh T là phù hợp với khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tại phiên toà*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] *Về nội dung vụ án*:

[5.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau từ tháng 11/2007, có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã YV, huyện GL, thành phố Hà Nội vào ngày 15/11/2007 là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án chị L

xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên có nguyện vọng kiên quyết xin được ly hôn anh Thế.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy: Theo chị L trình bày thì từ sau khi anh chị kết hôn với nhau, vợ chồng chỉ hoà thuận được vài năm sau đó mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm và cách sống, chính vì thế mà cuộc sống vợ chồng căng thẳng và không có hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên kiên quyết đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Phía anh T đã giao nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà. Quá trình xác minh xác định: Tổ trưởng tổ dân phố C nơi anh chị đang sinh sống đã giao các văn bản tố tụng nêu trên của Toà án cho anh T. Trong quá trình làm việc Thẩm phán cũng trực tiếp gọi điện thông báo với anh T về việc thụ lý vụ án cũng như báo anh T đến để làm việc. Anh T đã nghe máy và hẹn đến nhưng sau đó không thực hiện đến Toà để trình bày quan điểm về việc chị L chị xin ly hôn, cũng như khi Toà án đến gia đình gặp anh T để yêu cầu anh T trình bày quan điểm anh T cũng không chấp hành, không đến Toà án để làm việc. Như vậy thể hiện việc anh T không tôn trọng pháp luật cũng như không tôn trọng chính hôn nhân của anh chị, cố tình gây khó khăn làm cho vụ án bị kéo dài, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau...”*. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà cho thấy thái độ cương quyết ly hôn của chị L đối với anh T và anh khẳng định không còn tình cảm gì với anh T.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Do quá trình giải quyết vụ án chị L không yêu cầu Toà án tiến hành hoà giải và đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 19, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 14/4/2008 và Nguyễn Đức T, sinh ngày

20/9/2012. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Phía anh T vắng mặt không đến Toà án để giải quyết và cũng không có quan điểm phát biểu về con chung.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị L thấy: Chị L hiện có công việc làm ổn định và có thu nhập 9.000.000đồng/tháng và cả hai con của anh chị đều có nguyện vọng muốn ở với chị L. Do đó cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị L, cần giao cả hai con chung của anh chị cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L nuôi con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của chị L, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị L có yêu cầu.

[5.4]. Về tài sản chung; về nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị L xác định không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có, nên không đặt ra việc giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8]. Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 266 Điều 271, 273, 486 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19,51,56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L đối với anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là: Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 14/4/2008 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/9/2012 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được

cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L nuôi con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị L có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001550 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản. Bị đơn anh T vắng mặt báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND xã YV;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ TÊN)**

Hà Thị Thu Thủy